

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 14/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn:** anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Căn cước công dân số: 0370840065xx cấp ngày 19/08/2022; địa chỉ: xóm A Y, xã L, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** chị Lương Thị H, sinh năm 1991; Căn cước công dân số: 0371910123xx cấp ngày 28/6/2021; địa chỉ: xóm A Y, xã L, tỉnh Ninh Bình.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Vợ chồng ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1956, Căn cước công dân số: 0370560008xx cấp ngày 28/06/2021 và bà Vũ Thị Ú, sinh năm 1960, Căn cước công dân số: 0371600010xx cấp ngày 22/05/2023; Địa chỉ: xóm A Y, xã L, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà Ú: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: xóm A Y, xã L, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 và **điểm a khoản 2 Điều 217** của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ **vào khoản 3 Điều 18**; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung, về con riêng.

- Về con chung: Giao con Nguyễn Văn Gia H1, sinh ngày 09/01/2016 cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên. Giao 02 con Nguyễn An N, sinh ngày 12/01/2018 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 14/4/2022 cho chị Lương Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng: Anh T có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con Nguyễn Minh K cho chị H mỗi tháng là 2.000.000^d/1 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2026 cho đến khi cháu Nguyễn Minh K đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về con riêng: Anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung: **Đình chỉ giải quyết về tranh chấp tài sản chung khi ly hôn.**

2.3. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí, lệ phí:

- Anh Nguyễn Văn T nộp toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000160 ngày 12/11/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

- Các đương sự đã giải quyết xong chi phí thẩm định giá tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trả lại cho chị Lương Thị H số tiền 5.000.000^d (năm triệu đồng) tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000978 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình..

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình;

THẨM PHÁN

- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình;
- UBND xã **L**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)
Phạm Thế Anh